BÀI TẬP PHẦN 2
SỐ ĐẾM VÀ TUỔI TRONG TIẾNG ANH

50 câu luyện tập • Web học ngoại ngữ cùng Diệu An

Họ và tên: ..... Ngày: .....

A. Viết số bằng tiếng Anh (Câu 1–21)

1. 0 = ...
2. 1 = ...
3. 2 = ...
4. 3 = ...
5. 4 = ...
6. 5 = ...
7. 6 = ...
8. 7 = ...
9. 8 = ...
10. 9 = ...
11. 10 = ...
12. 11 = ...
13. 12 = ...
14. 13 = ...
15. 14 = ...
16. 15 = ...
17. 16 = ...
18. 17 = ...
19. 18 = ...
20. 19 = ...
21. 20 = ...

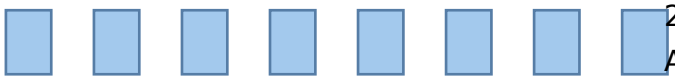
B. Nhìn hình và đếm (Câu 22–24)



22. How many apples?
Answer: _____



23. How many stars?
Answer: _____



24. How many books?
Answer: _____

C. Chọn đáp án đúng (Câu 25–32)

25. Số 3 là: A. three B. tree C. thirteen

26. Số 5 là: A. four B. five C. fifteen

27. Số 8 là: A. eight B. eighteen C. eighty

28. Số 10 là: A. ten B. two C. twelve

29. Số 11 là: A. one B. eleven C. seven

30. Số 13 là: A. three B. thirteen C. thirty

31. Số 18 là: A. eight B. eighteen C. eighty

32. Số 20 là: A. twelve B. twenty C. two

D. Điền từ còn thiếu (Câu 33–39)

33. one, two, three, _____, five.

34. five, six, _____, eight, nine.

35. eight, nine, _____, eleven.

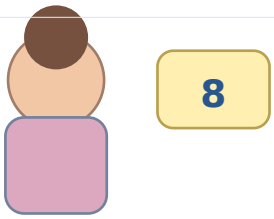
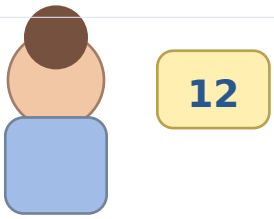
36. ten, eleven, _____, thirteen.

37. twelve, thirteen, _____, fifteen.

38. fifteen, sixteen, _____, eighteen.

39. seventeen, eighteen, _____, twenty.

E. Hỏi và trả lời về tuổi (Câu 40–45)

 **Lan**	 **Nam**	 **Mai**
40. How old is Lan? She is _____ years old.	41. How old is Nam? He is _____ years old.	42. How old is Mai? She is _____ years old.

43. “How old are you?” có nghĩa là:
A. Bạn tên gì? B. Bạn bao nhiêu tuổi? C. Bạn ở đâu?

44. “How _____ are you?” A. age B. old C. years

45. “I am nine _____ old.” A. year B. years C. age

F. Vận dụng (Câu 46–50)

46. Viết bằng tiếng Anh: Tôi 11 tuổi.

→ .....

47. Viết bằng tiếng Anh: Cô ấy 13 tuổi.

→ .....

48. Viết bằng tiếng Anh: Bạn bao nhiêu tuổi?

→ .....

49. Trả lời bằng tuổi thật của bạn: How old are you?

→ .....

50. Viết 3 câu giới thiệu ngắn về bản thân, trong đó có tuổi của bạn.

1. .....

2. .....

3. .....

Hãy đọc to các số từ 0 đến 20 và câu “I am ... years old.” một lần nữa.